

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/DS-ST
Ngày: 30-7-2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Văn To
- Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2026/TLST-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (gọi tắt là Ngân hàng TMCP V1 hoặc V2)

Địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm (Theo Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

- Ông Phan Văn D1 – Chuyên viên cấp cao Xử lý nợ
- Ông Nguyễn Trọng T1 – Chuyên viên Xử lý nợ
- Ông Cao Sơn B - Chuyên viên Xử lý nợ
- Ông Lê Hoài T2 - Chuyên viên Xử lý nợ
- Ông Chu Văn B1 - Chuyên viên Xử lý nợ

6. Ông Phạm Quốc M - Chuyên viên Xử lý nợ

Cùng địa chỉ: Số F L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2026) (ông B có mặt; những người đại diện theo ủy quyền còn lại của ông T vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 do người đại diện theo ủy quyền ông Cao Sơn B trình bày:

Bà Trần Thị Hồng V có ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V1, gồm:

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2305119129721, số thẻ 325-P-0696589 ngày 11/5/2023. Nội dung hợp đồng thể hiện V2 cấp thẻ tín dụng số 325-P-0696589 cho bà Trần Thị Hồng V với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng; hạn mức tín dụng có thể được V2 thay đổi theo quyết định của V2, trường hợp quá trình thanh toán của khách hàng tốt thì V2 sẽ thông báo tăng hạn mức sử dụng; nếu khách hàng không đồng ý thì phản hồi cho V2, trường hợp khách hàng không phản hồi thì được hiểu là đồng ý với việc tăng hạn mức. Thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng, thời hạn thanh toán được tính hàng tháng thông qua các giao dịch của chủ thẻ, mục đích sử dụng phục vụ nhu cầu đời sống. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Trần Thị Hồng V đã sử dụng tổng số tiền 170.445.549 đồng, đã thanh toán 154.092.691 đồng, gồm 131.781.460 đồng tiền gốc và 22.311.231 đồng tiền lãi. Bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 13/8/2025. Tính đến ngày 30/7/2026, bà V còn nợ V2 số tiền 75.888.144 đồng, gồm 38.664.089 đồng nợ gốc và 37.224.055 đồng nợ lãi.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không có tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2305129146408, số giải ngân LD2313900698 ngày 19/5/2023. Nội dung hợp đồng thể hiện V2 cho bà Trần Thị Hồng V vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống. Ngày 19/5/2023, V2 đã giải ngân cho bà V số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản mở tại V2. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà V đã thanh toán tổng số tiền 118.045.259 đồng, gồm 42.524.780 đồng tiền gốc và 75.520.479 đồng tiền lãi trong hạn. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/8/2025. Tính đến ngày 30/7/2026, bà V còn nợ 153.186.814 đồng, gồm 107.475.220 đồng nợ gốc, 2.436.770 đồng nợ lãi trong hạn và 43.274.824 đồng nợ lãi quá hạn.

- Hợp đồng cho vay số 231173345537279100, số hồ sơ giải ngân LD2434100592 ngày 06/12/2024. Nội dung hợp đồng thể hiện V2 cho bà Trần Thị Hồng V vay số tiền 55.000.000 đồng, thời hạn vay 57 tháng, phương thức thanh toán

nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống. Ngày 06/12/2024, V2 đã giải ngân cho bà V số tiền 55.000.000 đồng vào tài khoản mở tại V2. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà V đã thanh toán 13.276.855 đồng, gồm 3.032.397 đồng tiền gốc và 10.244.458 đồng tiền lãi trong hạn. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/8/2025. Tạm tính đến ngày 30/7/2026, bà V còn nợ 78.183.640 đồng, gồm 51.967.603 đồng nợ gốc, 1.406.561 đồng nợ lãi trong hạn và 24.809.476 đồng nợ lãi quá hạn.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Trần Thị Hồng V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Do bà V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên các khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn theo thỏa thuận. Mặc dù V2 đã nhiều lần thông báo, đôn đốc và tạo điều kiện để bà V thanh toán nhưng bà V vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, V2 khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Buộc bà Trần Thị Hồng V thanh toán cho V2 tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi còn nợ, tạm tính đến ngày 30/7/2026 là 307.258.598 đồng, gồm 198.106.912 đồng nợ gốc và 109.151.686 đồng nợ lãi, cụ thể:

- Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số LN2305119129721: 75.888.144 đồng, gồm 38.664.089 đồng nợ gốc và 37.224.055 đồng nợ lãi;

- Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay số LN2305129146408, số giải ngân LD2313900698: 153.186.814 đồng, gồm 107.475.220 đồng nợ gốc, 2.436.770 đồng nợ lãi trong hạn và 43.274.824 đồng nợ lãi quá hạn;

- Theo Hợp đồng cho vay số 231173345537279100, số hồ sơ giải ngân LD2434100592: 78.183.640 đồng, gồm 51.967.603 đồng nợ gốc, 1.406.561 đồng nợ lãi trong hạn và 24.809.476 đồng nợ lãi quá hạn.

2. Kể từ ngày 31/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, bà Trần Thị Hồng V còn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết với V2.

V2 xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà Trần Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu và không có tranh chấp đối với các thành viên khác trong gia đình bà V.

Ngoài các yêu cầu trên, V2 không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các hợp đồng tín dụng, chứng từ giải ngân, quá trình thanh toán và bảng tính dư nợ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định V2 đã thực hiện việc giải ngân, bà Trần Thị Hồng V đã nhận tiền, sử dụng thẻ và thanh toán một phần nghĩa vụ nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn không có ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V2, buộc bà Trần Thị Hồng V thanh toán đến ngày 30/7/2026 số tiền 307.258.598 đồng, gồm 198.106.912 đồng nợ gốc và 109.151.686 đồng nợ lãi; đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 31/7/2026 theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hồng V phải trả số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Do các bên không thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp nên Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do bị đơn bà Trần Thị Hồng V có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Hồng V đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1:

[2.1] Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Trần Thị Hồng V đã ký kết với V2 các hợp đồng gồm: Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ LN2305119129721 ngày 11/5/2023; Giấy đăng ký kèm hợp đồng cho vay không có tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2305129146408, số giải ngân LD2313900698 ngày 19/5/2023; Hợp đồng cho vay số 231173345537279100, số

hồ sơ giải ngân LD2434100592 ngày 06/12/2024, thấy rằng: Việc giao kết các hợp đồng được các bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện; tại thời điểm xác lập giao dịch, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; nội dung, mục đích của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức của các hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi các hợp đồng được ký kết, Ngân hàng TMCP V1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân theo đúng thỏa thuận, bà Trần Thị Hồng V đã nhận tiền vay và sử dụng khoản vay; đồng thời đã thực hiện thanh toán một phần nghĩa vụ. Do đó, có đủ căn cứ xác định các hợp đồng tín dụng nêu trên được giao kết hợp pháp, có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 99, Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung đã thỏa thuận.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng, chứng từ giải ngân, chứng từ thanh toán, bảng kê dư nợ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị Hồng V đã thanh toán được một phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1, cụ thể: Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2305119129721, số thẻ 325-P-0696589 ngày 11/5/2023, bà V đã sử dụng tổng số tiền 170.445.549 đồng và đã thanh toán 154.092.691 đồng, trong đó nợ gốc 131.781.460 đồng, nợ lãi 22.311.231 đồng; Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không có tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2305129146408, số giải ngân LD2313900698 ngày 19/5/2023, bà V đã thanh toán tổng số tiền 118.045.259 đồng, trong đó nợ gốc 42.524.780 đồng, nợ lãi trong hạn 75.520.479 đồng; Đối với Hợp đồng cho vay số 231173345537279100, số hồ sơ giải ngân LD2434100592 ngày 06/12/2024, bà V đã thanh toán tổng số tiền 13.276.855 đồng, trong đó nợ gốc 3.032.397 đồng, nợ lãi trong hạn 10.244.458 đồng. Tuy nhiên, sau khi thanh toán được một phần các khoản vay, bà Trần Thị Hồng V không tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Đối với khoản tín dụng thẻ, bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 13/8/2025; đối với các khoản vay theo hợp đồng số LN2305129146408 và hợp đồng số 231173345537279100, các khoản vay chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/8/2025. Mặc dù Ngân hàng TMCP V1 đã nhiều lần thông báo, đôn đốc và tạo điều kiện để bà V thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà V vẫn không thanh toán đầy đủ khoản nợ. Theo bảng tính dư nợ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tính đến ngày 30/7/2026, bà Trần Thị Hồng V còn nợ Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền 307.258.598 đồng, gồm: Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số LN2305119129721, số thẻ 325-P-0696589, còn nợ 75.888.144 đồng, gồm nợ gốc 38.664.089 đồng, nợ lãi 37.224.055 đồng; Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay số LN2305129146408, số giải ngân LD2313900698, còn nợ 153.186.814 đồng, gồm nợ gốc 107.475.220 đồng, nợ lãi trong hạn 2.436.770 đồng, nợ lãi quá hạn 43.274.824 đồng; Đối với Hợp đồng cho vay số 231173345537279100, số hồ sơ giải ngân LD2434100592, còn nợ 78.183.640 đồng, gồm nợ gốc 51.967.603 đồng, nợ lãi trong hạn 1.406.561 đồng, nợ lãi quá hạn 24.809.476 đồng. Như vậy, tổng cộng bà Trần Thị Hồng V còn nợ 198.106.912 đồng nợ gốc và 109.151.686 đồng nợ lãi, tổng cộng 307.258.598 đồng.

[3.3] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Các khoản tín dụng nêu trên đều do bà Trần Thị Hồng V trực tiếp ký kết với Ngân hàng TMCP V1 và xác định mục đích vay, sử dụng vốn nhằm phục vụ nhu cầu đời sống của cá nhân bà V. V2 xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà Trần Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu và không có tranh chấp đối với các thành viên khác trong gia đình bà V. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc có căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Trần Thị Hồng V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP V1 buộc bà Trần Thị Hồng V thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/7/2026 là 307.258.598 đồng, gồm 198.106.912 đồng nợ gốc và 109.151.686 đồng nợ lãi, là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ: Nhận thấy, các bên có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phương thức tính lãi trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà Trần Thị Hồng V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng TMCP V1 yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất quá hạn và phương thức tính lãi đã thỏa thuận là phù hợp với nội dung hợp đồng và quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; kể từ ngày 31/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, bà Trần Thị Hồng V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP V1.

[3.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn bà Trần Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 99, Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn bà Trần Thị Hồng V.

1. Buộc bà Trần Thị Hồng V có nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/7/2026 là 307.258.598 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu hai trăm năm mươi tám nghìn năm trăm chín mươi tám đồng), gồm: Nợ gốc: 198.106.912 đồng; Nợ lãi: 109.151.686 đồng. Cụ thể: Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số LN2305119129721, số thẻ 325-P-0696589 ngày 11/5/2023: 75.888.144 đồng, gồm 38.664.089 đồng nợ gốc và 37.224.055 đồng nợ lãi; Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay số LN2305129146408, số giải ngân LD2313900698 ngày 19/5/2023: 153.186.814 đồng, gồm 107.475.220 đồng nợ gốc, 2.436.770 đồng nợ lãi trong hạn và 43.274.824 đồng nợ lãi quá hạn; Theo Hợp đồng cho vay số 231173345537279100, số hồ sơ giải ngân LD2434100592 ngày 06/12/2024: 78.183.640 đồng, gồm 51.967.603 đồng nợ gốc, 1.406.561 đồng nợ lãi trong hạn và 24.809.476 đồng nợ lãi quá hạn.

2. Kể từ ngày 31/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, bà Trần Thị Hồng V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay số LN2305129146408, số giải ngân LD2313900698 ngày 19/5/2023; Hợp đồng cho vay số 231173345537279100, số hồ sơ giải ngân LD2434100592 ngày 06/12/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2305119129721, số thẻ 325-P-0696589 ngày 11/5/2023 đã ký.

3. Về án phí: Buộc Bà Trần Thị Hồng V phải chịu 15.362.930 (Mười lăm triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 5.977.590 đồng (Năm triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi đồng) theo Biên lai thu số 0003431 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng